

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1522 /UBND-KTTH

An Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2017

V/v kế hoạch tài chính năm 2017
của công ty nhà nước thuộc tỉnh

Kính gửi:

CTY TNHH MTV MDT AG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 1.000
Ngày: 31/8/17

- Sở Tài chính
- Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết An Giang
- Công ty TNHH một thành viên Môi trường Đô thị An Giang

Thực hiện Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và đề nghị của Sở Tài chính về xây dựng kế hoạch tài chính năm 2017 của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về kế hoạch tài chính năm 2017 của 02 công ty nhà nước thuộc tỉnh như sau:

- Kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết An Giang (chi tiết theo phụ lục đính kèm).
- Điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Môi trường Đô thị An Giang (chi tiết theo phụ lục đính kèm).
- Giao Sở Tài chính giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của 02 công ty nhà nước nêu trên theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan trên tổ chức thực hiện.

Nơi nhận: *Như trên*

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: HCTC, P. KTTH.
(kèm theo phụ lục)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Nưng

Phụ lục
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2017 CỦA CÔNG TY
TNNH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG
 (kèm theo công văn số 4522/UBND-KTTH ngày 31/8/2017
 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017
A	Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh			
I	Sản lượng			
1	Số lượng vé xổ số truyền thống phát hành	vé	420.000.000	420.000.000
2	Số lượng vé xổ số truyền thống tiêu thụ	vé	360.840.764	324.700.000
3	Doanh số phát hành vé xổ số truyền thống	triệu đồng	4.200.000	4.200.000
4	Doanh số tiêu thụ vé xổ số truyền thống	triệu đồng	3.608.408	3.247.000
II	Kết quả kinh doanh			
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	2.930.550	2.595.298
1.1	Doanh thu thuần tiêu thụ vé số	triệu đồng	2.852.496	2.566.798
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	triệu đồng	76.576	28.000
1.3	Doanh thu khác	triệu đồng	1.478	500
2	Tổng chi phí	triệu đồng	2.384.656	2.277.548
2.1	Chi phí trả thưởng	triệu đồng	1.766.923	1.623.500
2.2	Chi phí phát hành và chi phí khác	triệu đồng	617.733	654.048
3	Lãi phát sinh			
3.1	Trước thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	545.894	318.000
	- Lợi nhuận vé số	triệu đồng	471.281	289.500
	- Lợi nhuận hoạt động tài chính	triệu đồng	73.309	28.000
	- Lợi nhuận khác	triệu đồng	1.304	500
3.2	Sau thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	436.727	-
III	Thuế và các khoản còn phải nộp ngân sách nhà nước đầu kỳ	triệu đồng	539.925	557.346
1	Từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	111.063	123.916
	- Thuế giá trị gia tăng	triệu đồng	30.035	29.526
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	triệu đồng	39.425	38.424
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	41.603	55.966
2	Thu từ lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	428.862	433.430
IV	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước trong năm	triệu đồng	1.296.443	985.700
1	Từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	863.013	734.596
	- Thuế giá trị gia tăng	triệu đồng	325.750	291.091
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	triệu đồng	427.874	379.683

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	109.167	63.600
	- Các khoản thuế, phí phải nộp khác	triệu đồng	222	222
2	Thu từ lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	433.430	251.104
V	Thuế và các khoản đã nộp ngân sách nhà nước trong năm	triệu đồng	1.279.022	1.161.000
1	Từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	850.160	727.570
	- Thuế giá trị gia tăng	triệu đồng	326.259	291.091
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	triệu đồng	428.875	379.684
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	94.804	56.573
	Trong đó: số nộp cho phát sinh năm trước	triệu đồng	41.603	55.966
	- Các khoản thuế, phí phải nộp khác	triệu đồng	222	222
2	Thu từ lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	428.862	433.430
VI	Thuế và các khoản còn phải nộp ngân sách nhà nước cuối kỳ	triệu đồng	557.346	382.046
1	Từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	123.916	130.942
	- Thuế giá trị gia tăng	triệu đồng	29.526	29.526
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	triệu đồng	38.424	38.423
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	55.966	62.993
2	Thu từ lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	433.430	251.104
B	Các chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng tài sản	triệu đồng	1.684.922	x
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ)	triệu đồng	1.000.000	x
3	Vốn điều lệ được phê duyệt	triệu đồng	1.000.000	x
C	Huy động vốn			
1	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	lần	0,68	x
D	Phân phối lợi nhuận			
1	Lợi nhuận thực hiện	triệu đồng	545.894	x
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	triệu đồng	109.167	x
3	Lợi nhuận còn lại	triệu đồng	436.727	x
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	triệu đồng	3.024	x
5	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	274	x
6	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	triệu đồng	433.429	x

Phụ lục
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2017 CỦA CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
 (kèm theo công văn số 1522 /UBND-KTTH ngày 31 /8/2017
 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017 (đã phê duyệt)	Kế hoạch năm 2017 (điều chỉnh)	Tăng, giảm
A	Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh				
I	Sản lượng				
1	Sản lượng sản xuất chủ yếu				
	- Quét thu gom rác đường phố	m ²	490.113.884	490.113.884	
	- Quản lý chăm sóc công viên	m ²	4.377.823	4.377.823	
2	Sản lượng sản phẩm tiêu thụ				
	- Quét thu gom rác đường phố	m ²	490.113.884	490.113.884	
	- Quản lý chăm sóc công viên	m ²	4.377.823	4.377.823	
II	Kết quả kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	141.331	118.282	- 23.049
a	Doanh thu thuần	Tr.đồng	141.331	118.282	- 23.049
b	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng			
c	Doanh thu khác	Tr.đồng			
2	Lãi phát sinh	Tr.đồng			
a	Trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đồng	4.799	10.563	5.764
b	Sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đồng	4.200	9.275	5.075
3	Lỗ phát sinh	Tr.đồng			
4	Lỗ lũy kế	Tr.đồng			
III	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	5.487	6.260	773
1	Từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	5.487	6.260	773
a	Thuế giá trị gia tăng	Tr.đồng	4.491	4.730	239
b	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Tr.đồng			
c	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đồng	599	1.288	689
d	Các khoản thuế, phí phải nộp khác	Tr.đồng	397	242	- 155
2	Thu từ lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017 (đã phê duyệt)	Kế hoạch năm 2017 (điều chỉnh)	Tăng, giảm
IV	Thuế và các khoản đã nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng			
1	Từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng			
a	Thuế giá trị gia tăng	Tr.đồng			
b	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Tr.đồng			
c	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đồng			
d	Các khoản thuế, phí phải nộp khác	Tr.đồng			
2	Thu từ lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng			
B	Các chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng tài sản	Tr.đồng			
2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng			
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tr.đồng			
4	Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đồng			
5	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đồng			
6	Nguồn vốn khác của chủ sở hữu	Tr.đồng			
7	Vốn điều lệ được phê duyệt	Tr.đồng			
8	Nguồn bổ sung vốn điều lệ	Tr.đồng			
9	Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đồng			
10	Nguồn bổ sung khác	Tr.đồng			
C	Huy động vốn				
1	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần			
D	Phân phối lợi nhuận				
1	Lợi nhuận thực hiện	Tr.đồng			
2	Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	Tr.đồng			
3	Bù lỗ các năm trước (nếu có)	Tr.đồng			
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Tr.đồng			
5	Lợi nhuận còn lại	Tr.đồng			
6	Trích quỹ đặc thù	Tr.đồng			
7	Trích 30% quỹ đầu tư phát triển	Tr.đồng			
8	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng			
9	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng			
10	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	Tr.đồng			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1852 /UBND-KTTH

An Giang, ngày 20 tháng 10 năm 2017

V/v điều chỉnh kế hoạch sản
lượng dịch vụ công ích năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH một thành viên Môi trường
Đô thị An Giang

Ngày 31/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có công văn số 1522/UBND-KTTH về việc kế hoạch tài chính năm 2017 của công ty nhà nước thuộc tỉnh. Trong đó, đã giao kế hoạch sản lượng dịch vụ công ích năm 2017 cho Công ty TNHH một thành viên Môi trường Đô thị An Giang như sau: quét thu gom rác đường phố: 490.113.884 m²; quản lý chăm sóc công viên: 4.377.823 m².

Nay, điều chỉnh kế hoạch sản lượng dịch vụ công ích năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Môi trường Đô thị An Giang như sau: quét thu gom rác đường phố: 468.032.027 m²; quản lý chăm sóc công viên: 4.088.549 m².

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Môi trường Đô thị An Giang và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

Nơi nhận: *Yes*

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Lưu: HCTC, P. KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Signature]
Lê Văn Nưng